

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/ 2020

V/v: *Không công nhận vợ chồng giữa*
bà Vui và ông Tình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Giới;

Ông Nguyễn Hữu Thái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:102/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Không công nhận vợ chồng, con chung và chia tài sản, công nợ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:56/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vsinh năm 1977 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1974 (có mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam do ông Nguyễn Phương B- Đại diện theo ủy quyền.

2/ UBND xã Đông Phú do ông Hoàng Kiều V- Chủ tịch đại diện (vắng mặt).

3/ Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1996 (vắng mặt).

4/ Anh Nguyễn Văn C sinh năm 1990 (vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn Ba Gò, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/2/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Ngày 18/6/1996, bà và ông Nguyễn Văn T có kết hôn với nhau, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong bà về chung sống với ông Tình ở thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam. Tuy nhiên, kể từ tháng 5/2018, giữa bà và ông Tình đã nảy sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng thường xuyên hơn, trầm trọng hơn trong suốt quá trình chung sống. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có lúc đã xảy ra xô xát, do mâu thuẫn, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó. Nay bà thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn quá trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Tình là vợ chồng.

* *Về con chung:* Bà và ông Tình có 4 con chung: Nguyễn Thị Thủy sinh năm 1996, Nguyễn Thị Hà sinh năm 1998, Nguyễn Thị Hạnh sinh ngày 04/2/2002, Nguyễn Đức Anh sinh ngày 05/3/2011. Hiện các cháu Thủy, Hà, Hạnh đã trưởng thành, bà không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Nguyễn Đức Anh nay ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông Tình cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Trong quá trình chung sống, bà và ông Tình phát triển được tài sản gồm: 01 thửa đất ở 400m² đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ ngày 27/12/2001, 01 nhà ở cấp 4 loại 1 xây dựng năm 2000, 01 bếp diện tích 34,65m², 01 khu chăn nuôi có diện tích 32,7m², 01 ki ốt loại 3 diện tích 13,16m², 01 sân gạch diện tích 108,08m² xây dựng năm 2013, 01 mái tôn diện tích 25,3m², tường vánh lao xây cay bê tông 239,52m², cổng xây dựng năm 2013 gồm trụ cổng và 2 cánh cổng, 19 cây vải, 04 cây bưởi và 1434,4m² đất nhận thầu với UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam.

* *Về công nợ:* Bà và ông Tình còn nợ Ngân hàng CSXH huyện Lục Nam tổng số tiền vay là 40.000.000đ, vay ngày 11/3/2017 với lãi suất 0,55%/tháng. Bà đã trả lãi cho Ngân hàng đến tháng 06/2020.

Nay ly hôn bà yêu cầu tài sản chung được chia hơn ông Tình 20.000.000đ để bà có điều kiện nuôi các con, nợ chung chia đôi và yêu cầu được sử dụng 01 nhà ở 3 gian, đất ở, đất thầu và các tài sản khác.

Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa: Ngày 18/6/1996 ông và bà Vui về chung sống với nhau ở thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017, ông và bà Vui xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bị tai nạn thương tật 1 chân, đi lại khó khăn, không lao động được, từ đó ông và bà Vui hay xảy ra mâu thuẫn. Nay bà Vui đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Vui, ông hoàn toàn nhất trí.

** Về con chung:* Ông và bà Vui có 4 con chung: Nguyễn Thị Thủy sinh năm 1996, Nguyễn Thị Hà sinh năm 1998, Nguyễn Thị Hạnh sinh ngày 04/2/2002, Nguyễn Đức Anh sinh ngày 05/3/2011. Hiện các cháu Thủy, Hà, Hạnh đã trưởng thành, ông không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Nguyễn Đức Anh nay ly hôn ông nhất trí để bà Vui trực tiếp nuôi. Bà Vui không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông nhất trí.

** Về tài sản:* Trong quá trình chung sống, ông và bà Vui phát triển được tài sản gồm: 01 thửa đất ở 400m² đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ ngày 27/12/2001, 01 nhà ở cấp 4 loại 1 xây dựng năm 2000, 01 bếp diện tích 34,65m², 01 khu chăn nuôi có diện tích 32,7m², 01 ki ốt loại 3 diện tích 13,16m², 01 sân gạch diện tích 108,08m² xây dựng năm 2013, 01 mái tôn diện tích 25,3m², tường vôi xây cay bê tông 239,52m², cổng xây dựng năm 2013 gồm trụ cổng và 2 cánh cổng, 19 cây vải, 04 cây bưởi và đất thau với UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam diện tích 1434,4m².

Nay ly hôn ông yêu cầu được sử dụng 2 gian nhà cấp 4, 1 gian để cho bà Vui và đất ở, đất thau và các tài sản khác. Ông nhất trí chia cho chị Vui phần tài sản nhiều hơn ông 20.000.000đ để chị Vui có điều kiện nuôi các con.

** Về công nợ:* Số tiền 40.000.000đ hiện nợ Ngân hàng CSXH huyện Lục Nam trong thời gian ông và bà Vui chung sống, nay ly hôn bà Vui phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên vì bà Vui trực tiếp vay, ông không liên quan gì đến.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lục Nam do ông Nguyễn Phương Bắc đại diện trình bày trong bản tự khai: Ngày 11/3/2017 bà Nguyễn Thị V đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo số tiền vay 40.000.000đ, lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/3/2022, tiền lãi hộ vay đã trả đến tháng 6/2020. Về việc trả nợ và lãi tiền vay, Ngân hàng CSXH huyện Lục Nam có ý kiến như sau: Ngân hàng CSXH cho vay theo hộ gia đình nên đề nghị quý tòa yêu cầu ông Nguyễn Văn T (người có tên trên danh sách thành viên

trong hộ gia đình tại thời điểm lập sổ vay vốn từ 18 tuổi trở lên), là người ủy quyền trên giấy ủy quyền ngày 06/3/2017 và là chồng cùng có trách nhiệm với bà Nguyễn Thị V là vợ (người đứng tên trên sổ vay vốn) trả nợ Ngân hàng CSXH huyện Lục Nam theo sổ vay vốn mã KH 7079174627 ngày 11/3/2017.

Do công việc bận ông xin được vắng mặt ở các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

* UBND xã Đông Phú do ông Hoàng Kiều Vương- Đại diện trình bày: Tại hợp đồng giao thầu đất công ích số 141 ngày 13/8/2015 giữa UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam với bà Vui, ông Tình thì bà Vui, ông Tình có nhận giao thầu với UBND xã Đông Phú với diện tích 1434,4m², địa điểm thửa đất tại thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, thời hạn nhận thầu là 5 năm từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2020. Nay bà Vui, ông Tình ly hôn liên quan đến đất nhận thầu với địa phương, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiếp tục giao diện tích đất nhận thầu cho bà Vui, ông Tình tiếp tục thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Bà Vui, ông Tình phải tiếp tục thực hiện các điều khoản của hợp đồng với địa phương.

Do công việc bận ông xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Anh Nguyễn Văn Chiến, chị Nguyễn Thị Thủy đều trình bày trong bản tự khai: Cuối năm 2009, vợ chồng anh, chị có cho bà Vui, ông Tình vay số tiền 100.000.000đ để bà Vui, ông Tình trả nợ Ngân hàng. Hai bên không lập giấy tờ mà chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng, khi nào vợ chồng anh, chị cần thì bà Vui, ông Tình sẽ thanh toán trả. Nay bà Vui, ông Tình ly hôn, anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền trên, để vợ chồng anh, chị với bà Vui, ông Tình tự giải quyết.

Do công việc bận anh, chị xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án thực hiện nghiêm theo trình tự quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS, đề nghị HĐXX xét xử vụ án và áp dụng Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 59; Điều 62; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi Nguyễn Đức Anh sinh ngày 05/3/2011. Sau khi ly hôn ông Tình được thăm nom con, bà Vui không được cản trở ông Tình thực hiện quyền này.

Về tài sản chung:

- Giao cho bà Nguyễn Thị V sở hữu 1 nhà ở 3 gian, 01 ki ốt loại B diện tích 13,16m², 01 sân gạch diện tích 108,08m², 01 gian chăn nuôi liền kề với nhà ở có diện tích 8,17m², 25,3m² mái tôn, cổng đi gồm trụ cổng và 2 cánh cổng, tường vành lao 111,02m², 04 cây vải đường kính tán là 8m, 04 cây bưởi và sử dụng đất ở 178,6m² ở thửa 134, tờ bản đồ 29 và đất nhận thầu diện tích 550m² đều thuộc thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam. Tổng trị giá tài sản 269.158.040đ và được lấy ở ông Tình 29.767.800đ tiền chia chênh lệch tài sản (Các tài sản của bà Vui được sở hữu đều nằm trên diện tích đất ở của bà Vui).

- Giao cho ông Nguyễn Văn T sở hữu 01 nhà bếp có diện tích 34,65m², khu chăn nuôi loại C diện tích 24,53m², 15 cây vải, 128,5m² tường vành lao và được sử dụng 221,4m² đất ở ở thửa 134, tờ bản đồ 29 và đất nhận thầu diện tích 884,4m² đều thuộc thôn Đức Tiến, xã Đông Phú. Tổng trị giá tài sản 288.693.660đ và chia trả bà Vui 29.767.800đ tiền chênh lệch tài sản. (Các tài sản của ông Tình được sở hữu đều nằm trên diện tích đất ở và đất thầu của ông Tình).

*** Về công nợ:**

- Giao bà Nguyễn Thị V thanh toán trả Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi suất tính từ tháng 7/2020 với lãi suất 0,55%/tháng.

- Giao ông Nguyễn Văn T thanh toán trả Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi suất tính từ tháng 7/2020 với lãi suất 0,55%/tháng.

Thời hạn thanh toán tiền gốc và tiền lãi áp dụng theo sổ vay vốn mã KH: 7079174627 của Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam ngày 11/3/2017.

Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà Vui, ông Tình, chị Hà, chị Thủy, anh Chiến, ông Bắc, ông Vương hợp lệ. Nhưng ông

Bắc, ông Vương, anh Chiến xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS HĐXX đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

** Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị Vui và ông Nguyễn Văn Tình về chung sống với nhau từ ngày 18/6/1996. Trước khi về chung sống hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù có 4 con chung nhưng tình cảm giữa bà Vui và ông Tình vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ tháng 5/2018 giữa bà Vui và ông Tình luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra xô xát, từ đó bà Vui và ông Tình không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, bà Vui và ông Tình đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, bà Vui đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông Tình không là vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa bà Vui và ông Tình không còn nên tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Vui và ông Tình. Xét như vậy là phù hợp với Điều 14; 15; 53 Luật hôn nhân và gia đình.

** Về nuôi con chung:* Bà Vui, ông Tình có 4 con chung Nguyễn Thị Thủy sinh năm 1996, Nguyễn Thị Hà sinh năm 1998, Nguyễn Thị Hạnh sinh ngày 04/2/2002, Nguyễn Đức Anh sinh ngày 05/3/2011. Hiện cháu Thủy, Hà, Hạnh đã trưởng thành, bà Vui, ông Tình đều không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Nguyễn Đức Anh nay ly hôn bà Vui yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Anh, ông Tình cũng chấp nhận theo nguyện vọng của cháu Anh để bà Vui trực tiếp nuôi, nay cần giao cho bà Vui trực tiếp nuôi cháu Anh. Do bà Vui không yêu cầu ông Tình cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn bà Vui không được cản trở ông Tình thăm nom con. Xét thấy là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

** Về tài sản chung:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận vợ chồng phát triển được các tài sản theo biên bản định giá tài sản ngày 18/5/2020 gồm: 01 thửa đất ở có diện tích 400m² đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ ngày 27/12/2001 trị giá 288.000.000đ (720.000đ/1m²), 01 nhà ở 3 gian cấp 4 loại 1 xây dựng năm 2000 trị giá 56.376.000đ, 01 nhà bếp diện tích 34,65m² trị giá 26.473.900đ, 01 khu chăn nuôi có diện tích 32,7m² (có 1 gian sát nhà ở 3 gian có diện tích 8,17m²) trị giá 8.894.000đ, 01 ki ốt loại 3 diện tích 13,16m² trị giá 2.421.400đ, 01 sân gạch diện tích 108,08m² xây dựng năm 2013 trị giá 8.406.700đ, 01 mái tôn diện tích 25,3m² trị giá 5.085.000đ, tường vôi lao xây cay bê tông 239,52m² trị giá

47.904.000đ, công xây dựng năm 2013 gồm trụ công trị giá 725.700đ và 2 cánh công trị giá 5.888.000đ, 19 cây vãi trong đó có 4 cây tán 6,5m trị giá 6.104.000đ (1.526.000đ/cây, 15 cây tán là 8m trị giá 27.480.000đ (1.832.000đ/cây), 04 cây bưởi trong đó có 3 cây đường kính gốc 7,9cm trị giá 2.409.000đ (803.000đ/cây) và 1 cây đường kính gốc 9,5cm trị giá 1.037.000đ và diện tích đất nhận thầu của UBND xã Đông Phú, huyện Lục Nam diện tích 1434,4m² trị giá 71.720.000đ (50.000đ/1m²). Tổng trị giá tài sản là 557.851.700đ. Có được số tài sản trên là do công sức của 2 vợ chồng làm nên, nay cần chia đôi cho mỗi người sử dụng, sở hữu 1/2 đất ở và các tài sản khác, phần chênh lệch sẽ trích trả bằng tiền. Nhưng tại phiên tòa bà Vui và ông Tình đều thỏa thuận phần tài sản chia cho bà Vui lớn hơn phần tài sản chia cho ông Tình 20.000.000đ. Xét thấy yêu cầu của các đương sự là phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

Hiện tại các con của bà Vui, ông Tình đang sinh sống ở cùng với bà Vui. Để thuận tiện cho các cháu có nơi ở ổn định, nay cần giao cho bà Vui được sở hữu ngôi nhà ở 3 gian.

[4] Về số tiền nợ Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam: Căn cứ vào sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình đứng tên người vay là bà Nguyễn Thị V là đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình vay hộ nghèo. Ngày 11/3/2017 bà Nguyễn Thị V đại diện hộ gia đình có vay của Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam số tiền 40.000.000đ với lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/3/2022. Theo như ông Bắc đại diện cho Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam cho biết tiền lãi bà Vui, ông Tình đã trả đến tháng 6/2020. Nay Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam yêu cầu bà Vui, ông Tình có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi vay ngày 11/3/2017 là có căn cứ. Do vậy nay buộc bà Vui có trách nhiệm thanh toán trả Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam 1/2 số tiền gốc và tiền lãi suất, cụ thể: Tiền gốc là 20.000.000đ và lãi suất là 0,55%/tháng tính từ tháng 7/2020. Ông Tình có trách nhiệm thanh toán trả Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam 1/2 số tiền gốc và tiền lãi suất, cụ thể: Tiền gốc là 20.000.000đ và lãi suất là 0,55%/tháng tính từ tháng 7/2020. Thời hạn thanh toán tiền gốc và tiền lãi suất theo sổ vay vốn mã KH: 7079174627 ngày 11/3/2017 của Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Thủy, anh Chiến, bà Vui không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ 100.000.000đ và chị Thủy, chị Hà đều có đơn xin rút yêu cầu chia công sức đối với bà Vui, ông Tình ngày 28/7/2020 Tòa án đã ra quyết định đình chỉ rút yêu cầu của chị Thủy, chị Hà, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Ngày 06/5/2020 bà Vui đã nộp số tiền 5.000.000đ cho Tòa án huyện Lục Nam để chi phí cho hội đồng thẩm định, định giá tài sản, Tòa án đã giao

cho hội đồng định giá số tiền 5.000.000đ, hội đồng định giá đã chi phí hết 4.000.000đ và đã thanh toán trả bà Vui số tiền 1.000.000đ. Nay bà Vuixin chịu cả số tiền thẩm định, định giá tài sản, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn T thuộc hộ nghèo nên bà Vui, ông Tình không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lục Nam không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 59; Điều 62; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi Nguyễn Đức Anh sinh ngày 05/3/2011. Sau khi ly hôn ông Tình được thăm nom con, bà Vui không được cản trở ông Tình thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho bà Nguyễn Thị V sở hữu 1 nhà ở 3 gian, 01 ki ốt loại B diện tích 13,16m², 01 sân gạch diện tích 108,08m², 01 gian chăn nuôi liền kề với nhà ở có diện tích 8,17m², 25,3m² mái tôn, cổng đi gồm trụ cổng và 2 cánh cổng, tường vôi lao 111,02m², 04 cây vải đường kính tán là 8m, 04 cây bưởi và sử dụng đất ở 178,6m² ở thửa 134, tờ bản đồ 29 và đất nhận thầu diện tích 550m² đều thuộc thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam. Tổng trị giá tài sản 269.158.040đ và được lấy ở ông Tình 29.767.800đ tiền chia chênh lệch tài sản.

- Giao cho ông Nguyễn Văn T sở hữu 01 nhà bếp có diện tích 34,65m², khu chăn nuôi loại C diện tích 24,53m², 15 cây vải, 128,5m² tường vôi lao và được sử dụng 221,4m² đất ở ở thửa 134, tờ bản đồ 29 và đất nhận thầu diện tích 884,4m² đều thuộc thôn Đức Tiến, xã Đông Phú. Tổng trị giá tài sản 288.693.660đ nhưng có trách nhiệm chia trả bà Vui 29.767.800đ tiền chênh lệch tài sản.

(Các tài sản của bà Vui, ông Tình được sở hữu, sử dụng đều nằm trên diện tích đất ở, đất thầu của bà Vui, ông Tình).

**Về công nợ:*

- Giao bà Nguyễn Thị V thanh toán trả Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi suất tính từ tháng 7/2020 với lãi suất 0,55%/tháng.

- Giao ông Nguyễn Văn T thanh toán trả Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi suất tính từ tháng 7/2020 với lãi suất 0,55%/tháng.

Thời hạn thanh toán tiền gốc và tiền lãi áp dụng theo sổ vay vốn mã KH: 7079174627 của Ngân Hàng CSXH huyện Lục Nam ngày 11/3/2017.

** Về đất ở, đất nhận thầu của bà Vui:*

- Đất ở: Giao bà Nguyễn Thị V được sử dụng 178,6m² đất ở ở thửa 134, tờ bản đồ 29 thuộc thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, cụ thể có các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp đất ông Tình dài 18,8m, cạnh phía Đông giáp đường bê tông dài 9,5m, cạnh phía Nam giáp đất thầu của bà Vui dài 18,8m, cạnh phía Tây giáp đất ông Tình dài 9,5m.

- Đất nhận thầu: Giao cho bà Vui được sử dụng 550m² đất thầu thuộc thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, cụ thể có các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp đất ở của bà Vui dài 18,8m, cạnh phía Đông giáp đường đi dài 26,3m, cạnh phía Nam giáp đất ở ông Hạnh dài 21,9m, cạnh phía Tây giáp đất thầu của ông Tình dài 26m.

** Về đất ở, đất nhận thầu của ông Nguyễn Văn T:*

- Đất ở: Giao ông Nguyễn Văn T được sử dụng 221,4m² đất ở ở thửa 134, tờ bản đồ 29 thuộc thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, cụ thể có các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp đất bà Tâm dài 22m, cạnh phía Đông giáp đường đi dài 8,5m, cạnh phía Nam giáp đất của bà Vui dài 18,8m + 9,5m + 3,2m, cạnh phía Tây giáp đất thầu của ông Tình dài 18m.

- Đất nhận thầu: Giao cho ông Nguyễn Văn T được sử dụng 884,4m² đất nhận thầu thuộc thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, cụ thể có các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp đất ở của bà Tâm dài 16m, cạnh phía Đông giáp đất ở của ông Tình và đất thầu của bà Tình dài 18m + 3,2m + 26m, cạnh phía Nam giáp đất ở ông Hạnh dài 21,5m, cạnh phía Tây giáp đất của ông Lợi dài 45,5m.

Về đất nhận thầu: Ông Tình, bà Vui đều phải thực hiện đúng theo hợp đồng số 141 ngày 13/8/2015 giữa ông Tình, bà Vui với UBND xã Đông Phú. Đất ở, đất nhận thầu đều có sơ đồ kèm theo và lối đi các bên tự mở.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,7^a,7b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Đông Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn